

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 3 năm 2019.

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11 - 52

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (gọi tắt là “Công ty”) đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304200346 cấp lần đầu ngày 19 tháng 1 năm 2006 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và qua các lần thay đổi.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: CII Engineering and Construction JSC.

Tên Công ty viết tắt là: CII E&C.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: CEE.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Tầng 20, Tòa nhà SunWah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Ông Phạm Vũ Thúc	Phó Chủ tịch thường trực (bổ nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2018)
Ông Ngô Đình Thành	Thành viên
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Phùng Văn Hiến	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Bình	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 12 năm 2018)
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 12 năm 2018)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Ngô Đình Thành	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 11 tháng 9 năm 2018)
Ông Phạm Vũ Thúc	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2018)
Ông Phùng Văn Hiến	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm Tổng Giám đốc ngày 10 tháng 3 năm 2018, miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc và được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc ngày 11 tháng 9 năm 2018)
Ông Nguyễn Trường Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Tiến Đức	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2018)

Ban Kiểm soát

Ông Lưu Hải Ca	Trưởng ban kiểm soát (bổ nhiệm Thành viên ngày 24 tháng 12 năm 2018 và trở thành Trưởng ban kiểm soát ngày 22 tháng 1 năm 2019)
Bà Nguyễn Thị Mai Hương	Thành viên (miễn nhiệm vị trí Trưởng ban kiểm soát, trở thành thành viên từ ngày 22 tháng 1 năm 2019)
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên
Bà Lê Thị Bè Mưn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 12 năm 2018)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Dự ra các phân đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc



Ngô Đình Thành
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2019

Số 315/2019/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CH

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CH (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2019, từ trang 5 đến trang 52, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Dàn thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)**Vấn đề nhấn mạnh**

Mặc dù không đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ nhưng chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 5.20 của bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng thể hiện rằng Công ty chưa ghi nhận khoản cổ tức năm 2017 phải trả cho cổ đông với giá trị là 20.750.000.000 đồng. Đây là khoản cổ tức đã được phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2018, Hội đồng Quản trị Công ty chưa ra quyết định chi trả cổ tức, do đó khoản cổ tức này chưa được ghi nhận trên Báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Các kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính riêng này vào ngày 26 tháng 3 năm 2018.



Phan Huy Thắng
Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0147-2018-137-1
Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens
Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2019



Nguyễn Tiên Tinh
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1806-2018-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.410.002.553.804	1.297.057.929.457
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	28.000.366.689	95.472.356.908
1. Tiền	111		28.000.366.689	85.472.356.908
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	10.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	161.001
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	161.001
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		899.882.523.438	717.522.430.930
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	108.090.288.954	140.754.823.130
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	67.903.275.043	231.145.139.506
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	601.712.999.030	197.574.190.058
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	125.096.288.005	151.180.748.846
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(2.920.327.594)	(3.132.470.610)
IV. Hàng tồn kho	140		479.834.382.251	478.112.068.354
1. Hàng tồn kho	141	5.7	479.834.382.251	478.112.068.354
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.285.281.426	5.950.912.264
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	175.183.015	160.946.581
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.110.098.413	5.789.965.683

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		301.079.198.312	292.385.771.316
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		22.782.852.141	4.194.520.841
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	22.782.852.141	4.194.520.841
II. Tài sản cố định	220		29.342.699.224	36.078.671.120
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	10.610.514.675	8.342.202.027
- Nguyên giá	222		29.834.243.360	25.035.138.232
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.223.728.685)	(16.692.936.205)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.10	18.607.616.523	27.701.501.067
- Nguyên giá	225		23.421.636.347	33.309.876.347
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(6.814.019.824)	(5.608.375.280)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	124.568.026	34.968.026
- Nguyên giá	228		280.000.000	160.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(155.431.974)	(125.031.974)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.12	4.997.156.733	4.997.156.733
- Nguyên giá	231		5.836.987.368	5.836.987.368
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(839.830.635)	(839.830.635)
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		232.610.000.000	232.610.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.13	112.610.000.000	112.610.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.13	120.000.000.000	120.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		11.346.490.214	14.505.422.622
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	11.346.490.214	14.505.422.622
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.711.081.752.116	1.589.443.700.773

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.280.258.852.312	1.123.266.451.239
I. Nợ ngắn hạn	310		1.022.029.377.135	1.112.909.282.749
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	136.481.913.049	86.827.150.214
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	209.378.874.455	311.191.453.883
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	11.777.855.429	7.680.424.096
4. Phải trả người lao động	314		1.002.397.465	2.032.950.857
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	1.903.882.838	2.672.481.517
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	39.084.726.311	67.233.591.831
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	622.399.727.588	635.271.228.351
II. Nợ dài hạn	330		258.229.475.177	10.357.168.490
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19	258.229.475.177	10.357.168.490
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		430.822.899.804	466.177.249.534
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.20	430.822.899.804	466.177.249.534
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		415.000.000.000	415.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		415.000.000.000	415.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		400.000.000	400.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(39.818.367.279)	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.458.450.896	6.558.530.896
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		47.782.816.187	44.221.718.638
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		40.610.038.638	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		7.172.777.549	44.221.718.638
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.711.081.752.116	1.589.443.700.773

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu



Nguyễn Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng



Bùi Xuân Phước

Tổng Giám đốc
 CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 XÂY DỰNG HẠ TẦNG
CII
 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
 Ngô Đình Thành



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.21	597,331,046,213	542,725,486,830
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.21	3,560,385,682	-
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	5.21	593,770,660,531	542,725,486,830
4. Giá vốn hàng bán	11	5.22	559,555,773,452	448,315,037,045
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		34,214,887,079	94,410,449,785
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.23	72,077,587,874	44,808,704,968
7. Chi phí tài chính	22	5.24	64,943,400,132	57,026,877,475
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		64,935,477,677	57,026,877,475
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.25	18,952,164,772	25,509,136,764
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		22,395,910,049	56,683,140,514
11. Thu nhập khác	31	5.26	471,409,827	163,119,657
12. Chi phí khác	32	5.27	1,732,065,708	782,636,241
13. Lãi khác (40 = 31 - 32)	40		(1,260,655,881)	(619,516,584)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		21,135,254,168	56,063,623,930
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.28	13,962,476,619	11,841,905,292
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		7,172,777,549	44,221,718,638

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu



Nguyễn Thị Bích Thảo

Kê toán trưởng



Bùi Xuân Phước

Chủ tịch Hội đồng Quản trị / Tổng Giám đốc



Ngô Đình Thành

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	21.135.254.168	56.063.623.930
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	2	6.202.260.662	6.289.452.913
Các khoản dự phòng	3	(212.143.016)	831.348.988
Lãi từ hoạt động đầu tư	5	(72.197.715.821)	(44.526.149.389)
Chi phí lãi vay	6	64.935.477.677	57.026.877.475
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước			
3. thay đổi vốn lưu động	8	19.863.133.670	75.685.153.917
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	9	202.865.289.503	47.398.432.557
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(1.722.313.897)	(141.165.112.434)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi			
vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(51.866.785.439)	183.951.736.926
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	3.144.695.976	2.464.057.927
(Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13	161.001	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(64.108.914.356)	(50.830.674.818)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.439.749.179)	(8.326.449.633)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	14.500.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.146.139.618)	(957.590.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động			
kinh doanh	20	95.603.877.661	108.219.554.442
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các			
tài sản dài hạn khác	21	(487.524.455)	(4.143.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các			
tài sản dài hạn khác	22	1.436.363.636	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn			
vị khác	23	(878.224.801.406)	(267.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ			
của đơn vị khác	24	474.085.992.434	15.583.188.649
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(1.000.000.000)
6. Tiền thu lại cho vay, cổ tức và lợi nhuận			
được chia	27	75.095.476.667	(19.250.169.761)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động			
đầu tư	30	(328.094.493.124)	(375.809.981.112)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(39.818.367.279)	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	1.624.752.878.541	1.713.746.688.108
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.370.197.835.800)	(1.367.381.780.330)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(9.080.565.118)	(10.515.537.752)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(40.637.485.100)	(11.962.113)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	165.018.625.244	335.837.407.913
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(67.471.990.219)	68.246.981.243
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	95.472.356.908	27.225.375.665
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	28.000.366.689	95.472.356.908

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu



Nguyễn Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng



Bùi Xuân Phước

Tổng Giám đốc




Ngô Đình Thành

I. THÔNG TIN KHAI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304200346 cấp lần đầu ngày 19 tháng 1 năm 2006 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và qua các lần thay đổi.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: CII Engineering and Construction JSC.

Tên Công ty viết tắt là: CII E&C.

Vốn điều lệ của Công ty là 415 tỷ đồng, được chia thành 41,5 triệu cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: CEE.

Tọa sở chính tại: Tầng 20, tòa nhà SunWah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 86 người (tại ngày 1 tháng 1 năm 2018: 132 người)

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Xây dựng, kinh doanh, chuyển giao công nghệ công trình giao thông theo hình thức hợp đồng B.O.T; xây dựng công trình đường sắt, đường bộ, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; công trình công ích; cho thuê máy móc, thiết bị; khai thác cát, đá, sỏi, đất sét; sản xuất bê tông và các thành phẩm từ xi măng, thạch cao, tu vữa kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; sản xuất vật liệu xây dựng, gia công dầm cầu thép, cấu kiện thép, sản phẩm cơ khí khác; sửa chữa máy móc, thiết bị thi công; phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng và các ngành nghề khác được quy định trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là thi công xây lắp, mua bán vật tư xây dựng, cho thuê máy móc thiết bị.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MÀU B 09 - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

1.3 Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đầu tư vào các công ty con như sau:

Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1. Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi ("NQN")	Tỉnh Quảng Ngãi	100%	100%	Khai thác, sản xuất kinh doanh các loại đất, đá
2. Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng CII E&C ("CII E&C - BM")	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
3. Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&C ("CII E&C - CC")	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Xây dựng công trình kỹ thuật
4. Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia ("LGC")	Tp. Hồ Chí Minh	99,81%	99,81%	Sản xuất, lắp đặt thiết bị điện; duy tu bảo dưỡng công trình

1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng là có thể so sánh được.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực, liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Tương đương tiền:

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn với thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm các loại chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả các chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời), gồm: Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán, các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T-0)
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá trị ghi sổ theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn từ sau ngày mua được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích. Lãi và các khoản lợi ích khác mà Công ty được hưởng trước khi nắm giữ khoản đầu tư được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Tất cả các khoản cho vay được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2014.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý, việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiêu bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

4. CÁC CHỈ TIÊU SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu (Tiếp theo)**

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được phân tích theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	8 - 12
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 10

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị của phần mềm máy tính, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

4. CÁC CHÌNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán tài sản thuê tài chính**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng Cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây). Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Nguyên tắc kế toán Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư hoặc từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu hoặc hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng. Bất động sản chủ sở hữu sử dụng chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu kết thúc sử dụng tài sản đó và khi bên khác thuê hoạt động. Bất động sản đầu tư chuyển thành bất động sản chủ sở hữu khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này. Bất động sản đầu tư chuyển thành hàng tồn kho khi chủ sở hữu bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Hàng tồn kho chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động. Bất động sản xây dựng chuyển thành bất động sản đầu tư khi kết thúc giai đoạn xây dựng, bàn giao đưa vào đầu tư.

Việc chuyển đổi mục đích sử dụng giữa bất động sản đầu tư với bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi giá trị ghi sổ của tài sản được chuyển đổi và không làm thay đổi nguyên giá của bất động sản trong việc xác định giá trị hay để lập báo cáo tài chính.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của một hoặc nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước của Công ty bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, ... và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành. Chi phí trả trước phân bổ các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của một hoặc nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tố phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất sinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp theo từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và tại thời điểm chốt danh sách cổ đông của Trung tâm Lưu ký Chứng Khoán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ tài doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường trực liên lập đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng để phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Chi nhận giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoặc nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty mẹ, các Công ty con của Công ty mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	3.879.673.322	1.140.173
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	24.120.693.367	85.471.216.735
Các khoản tương đương tiền	-	10.000.000.000
Cộng	28.000.366.689	95.472.356.908

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

5.2. Phải thu của khách hàng

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Phải thu các bên liên quan (*)	16.089.226.904	60.397.936.271
Phải thu các khách hàng khác	92.001.062.050	80.356.886.859
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại 592	27.622.300.871	13.657.789.253
Ban Quản lý Dự án đường Hồ Chí Minh	14.683.373.802	14.847.188.802
Công ty Cổ phần Big Gate	13.033.168.799	113.503.600
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	3.634.870.894	11.943.380.934
Công ty TNHH Xây dựng Nền móng Tam Đạt	1.967.686.141	12.986.962.232
Phải thu các khách hàng khác	31.059.661.543	26.808.062.038
Cộng	108.090.288.954	140.754.823.130
<i>(*) Chi tiết phải thu các bên liên quan:</i>		
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	8.969.803.175	17.190.603.370
Công ty NQN	4.081.960.000	1.936.480.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	1.776.435.012	1.562.271.455
Công ty CII E&C - BM	724.100.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	475.696.190	475.696.190
Công ty LGC	39.900.000	-
Công ty CII	11.332.527	11.332.527
Công ty CII E&C - CC	-	37.832.263.735
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	-	1.280.288.994
Cộng	16.089.226.904	60.397.936.271

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MÁU B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**5.3. Trả trước cho nhà cung cấp**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Trả trước cho các bên liên quan (*)	35.550.000	126.628.421.695
Trả trước các nhà cung cấp khác	67.867.725.043	104.516.717.811
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại 592	15.512.457.945	31.544.135.565
Công ty TNHH MTV Xây dựng Dịch vụ Vận tải Hà Thành	14.814.172.105	2.580.835.437
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 515	10.000.000.000	-
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Thế Toàn	10.000.000.000	-
Trả trước các đối tượng khác	17.541.094.993	70.391.746.789
Cộng	67.903.275.043	231.145.139.506

() Chi tiết trả trước cho các bên liên quan:*

Công ty CII B&R	35.550.000	35.550.000
Công ty CII E&C - BM	-	97.680.609.040
Công ty NQN	-	28.912.262.655
Cộng	35.550.000	126.628.421.695

5.4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Phải thu các bên liên quan (*)	385.512.447.840	197.574.190.058
Phải thu các đối tượng khác	216.200.551.190	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành	84.695.552.109	-
Công ty Cổ phần Teracons	53.853.894.432	-
Phải thu các đối tượng khác	77.651.104.649	-
Cộng	601.712.999.030	197.574.190.058

() Chi tiết phải thu về cho vay đối với các bên liên quan:*

Công ty CII	249.786.185.185	197.574.190.058
Công ty CII E&C - BM	106.814.000.000	-
Công ty NQN	28.912.262.655	-
Cộng	385.512.447.840	197.574.190.058

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CH

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**5.5. Phải thu khác**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
a. Ngắn hạn		
Tạm ứng vốn cho các đội thi công các công trình xây dựng	72.622.146.262	67.906.062.772
Phải thu về lãi trái phiếu, lãi tiền gửi và lãi cho vay	25.510.484.788	18.420.076.305
Cổ tức, lợi nhuận phải thu	10.077.755.806	20.186.053.082
Các khoản chi hộ	10.301.200.718	9.671.468.410
Ký cược, ký quỹ	2.370.482.599	29.988.223.999
Phải thu người lao động	947.700.764	1.666.229.422
Góp vốn hợp tác kinh doanh	711.872.739	711.872.739
Thuế GTGT chờ kê khai của TSCĐ thuế tại chính	-	1.806.816.184
Các khoản phải thu khác	2.554.644.329	823.945.933
	125.096.288.005	151.180.748.846
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	22.782.852.141	4.194.520.841
	22.782.852.141	4.194.520.841
Cộng	147.879.140.146	155.375.269.687
<i>Trong đó, chi tiết phải thu các bên liên quan:</i>		
Lãi trái phiếu, lãi tiền gửi và lãi cho vay	15.376.377.929	17.922.788.249
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	7.566.666.667	7.566.666.667
Công ty CH	3.564.424.372	10.356.121.582
Công ty NQN	1.461.675.500	-
Công ty CH E&C - BM	2.783.611.390	-
Lợi nhuận và cổ tức	10.077.755.806	20.186.053.082
Công ty NQN	3.731.955.204	3.731.955.204
Công ty CH E&C - BM	667.574.709	526.066.695
Công ty CH E&C - CC	5.678.225.893	928.031.183
Công ty LGC	-	15.000.000.000
Các khoản chi hộ	40.043.256	40.043.256
Công ty CH E&C - CC	30.032.442	30.032.442
Công ty NQN	10.010.814	10.010.814
Cộng phải thu các bên liên quan	25.494.176.991	38.148.884.587

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CH

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

5.6. Nợ xấu

Nội dung	31/12/2018			01/01/2018		
	Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	2.551.503.611	50.438.480	(2.501.065.131)	2.919.523.564	80.536.678	(2.838.986.886)
Trả trước cho nhà cung cấp	419.262.463	-	(419.262.463)	419.262.463	125.778.739	(293.483.724)
Cộng	2.970.766.074	50.438.480	(2.920.327.594)	3.338.786.027	206.315.417	(3.132.470.610)

5.7. Hàng tồn kho

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	25.394.252.494	-	24.090.064.492	-
Chi phí thi công các công trình xây dựng dở dang	454.440.129.757	-	454.022.003.862	-
<i>Công trình thi công mở rộng Xa lộ Hà Nội</i>	226.039.054.323	-	183.998.036.760	-
<i>Công trình thi công đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận</i>	158.895.045.242	-	131.101.804.673	-
<i>Công trình thi công xây dựng Quốc Lộ 60, giai đoạn 2</i>	18.834.153.739	-	77.129.027.496	-
<i>Công trình thi công hạ tầng khu đô thị Thủ Thiêm</i>	15.961.428.548	-	34.188.824.411	-
<i>Các công trình khác</i>	34.716.445.905	-	27.604.310.522	-
Cộng	479.834.382.251	-	478.112.068.354	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CH

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**5.8. Chi phí trả trước**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	79.339.680	119.725.681
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	62.843.333	-
Các khoản chi phí khác	33.000.000	41.220.900
	<u>175.183.013</u>	<u>160.946.581</u>
b. Dài hạn		
Chi phí làm đường công vụ trực tiếp dự án	5.282.709.830	9.810.746.827
Chi phí thiết kế, thi công văn phòng Công ty	4.259.305.870	-
Các khoản chi phí khác	1.804.474.514	4.691.675.795
	<u>11.346.490.214</u>	<u>14.505.422.622</u>
Cộng	<u>11.521.673.227</u>	<u>14.666.369.203</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CH

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B.09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****5.9. Tài sản cố định hữu hình**

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2018	10.821.230.800	13.481.607.452	732.300.000	25.035.138.252
Mua trong năm	850.000.000	-	64.000.000	914.000.000
Mua lại tài sản thuê tài chính	7.932.219.000	-	-	7.932.219.000
Thanh lý, nhượng bán	(2.057.113.892)	(1.990.000.000)	-	(4.047.113.892)
Tại ngày 31/12/2018	17.546.335.908	11.491.607.452	796.300.000	29.834.243.360
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2018	9.519.962.306	6.652.808.081	520.165.838	16.692.936.225
Khấu hao trong năm	788.314.253	1.169.955.198	49.856.667	2.008.126.118
Mua lại tài sản thuê tài chính	2.958.090.000	-	-	2.958.090.000
Thanh lý, nhượng bán	(1.218.784.768)	(1.216.638.890)	-	(2.435.423.658)
Tại ngày 31/12/2018	12.047.581.791	6.606.124.389	570.022.505	19.223.728.685
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2018	1.301.268.494	6.828.799.371	212.134.162	8.342.202.027
Tại ngày 31/12/2018	5.498.754.117	4.885.483.063	226.277.495	10.610.514.675

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 12.887.797.931 VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 là 7.636.736.262 VND). Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết, không còn sử dụng và chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 792.619.048 VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 là 0 VND).

Công ty đã sử dụng một số máy móc thiết bị và phương tiện vận tải để thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long. Nguyên giá và khấu hao lũy kế của các tài sản được thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 lần lượt là 6.684.580.652 VND và 1.328.753.959 VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 lần lượt là 6.684.580.652 VND và 1.861.082.369 VND). (Chi tiết xem tại thuyết minh số 5.19)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CH

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**5.10. Tài sản cố định thuê tài chính**

	Máy móc thiết bị VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2018	33.309.876.347
TSCD thuê tài chính được mua lại	(7.888.240.000)
Tại ngày 31/12/2018	<u>25.421.636.347</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2018	5.608.375.280
Khấu hao trong năm	4.153.734.544
TSCD thuê tài chính được mua lại	(2.958.090.000)
Tại ngày 31/12/2018	<u>6.814.019.824</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2018	27.701.501.067
Tại ngày 31/12/2018	<u>18.607.616.523</u>

Tài sản cố định thuê tài chính bao gồm các máy móc thiết bị đi thuê theo các hợp đồng thuê tài chính ký với Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam. (Chi tiết xem tại thuyết minh số 5.19)

5.11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm vi tính VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2018	160.000.000
Mua trong năm	120.000.000
Tại ngày 31/12/2018	<u>280.000.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2018	125.031.974
Khấu hao trong năm	30.400.000
Tại ngày 31/12/2018	<u>155.431.974</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2018	34.968.026
Tại ngày 31/12/2018	<u>124.568.026</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 60.000.000 VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 là 60.000.000 VND).

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHI TIẾT TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

5.12. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất VND
NGUYỄN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2018	5,836,987,368
Tại ngày 31/12/2018	5,836,987,368
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2018	839,830,635
Tại ngày 31/12/2018	839,830,635
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2018	4,997,156,733
Tại ngày 31/12/2018	4,997,156,733

Bất động sản đầu tư là giá trị đất tại địa chỉ số 29/3, đường D2, phường 2, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh (Nay đổi tên là đường Nguyễn Gia Trí). Lô đất có thời hạn sử dụng là 50 năm, sẽ hết hạn sử dụng vào ngày 19 tháng 1 năm 2056 theo Quyết định số 1218/QĐ-UBND ngày 18 tháng 03 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Giá trị quyền sử dụng đất đã được được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long (Chi tiết xem tại thuyết minh số 5.19).

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này. Tuy nhiên, dựa trên tình hình kinh doanh thực tế, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính riêng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CH

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****5.13. Đầu tư tài chính dài hạn****a. Đầu tư vào công ty con**

	31/12/2018				01/01/2018			
	Số lượng Cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng Cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia	7.800.000	55.200.000.000	-	(i)	7.800.000	55.200.000.000	-	(i)
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi		40.000.000.000	-	(i)		40.000.000.000	-	(i)
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng CH E&C		10.000.000.000	-	(i)		10.000.000.000	-	(i)
Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CH E&C		7.410.000.000	-	(i)		7.410.000.000	-	(i)
Cộng		112.610.000.000	-	(i)		112.610.000.000	-	(i)

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con tại ngày kết thúc năm tài chính do các công ty con này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán. Đồng thời do các quy định hiện hành chưa có các hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con nêu trên.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND
Trái phiếu	120.000.000.000	120.000.000.000	120.000.000.000	120.000.000.000

Vào ngày 19 tháng 5 năm 2017, Công ty đã mua 120 trái phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội với mệnh giá mỗi trái phiếu là 1 tỷ đồng. Kỳ hạn trái phiếu là 5 năm (đáo hạn ngày 19 tháng 5 năm 2022), lãi suất thả nổi, 3 tháng điều chỉnh 1 lần bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng danh cho cá nhân được công bố bởi Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - biên độ 3,2%/năm. Giấy chứng nhận trái phiếu đã được được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long (Chi tiết xem tại thuyết minh số 5.19).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

5.14. Phải trả người bán

	31/12/2018		01/01/2018	
	Nợ gốc	Số có khả năng thanh toán	Nợ gốc	Số có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND
Phải trả các bên liên quan (*)	69.877.820.701	69.877.820.701	63.338.227.686	63.338.227.686
Phải trả các nhà cung cấp khác	66.604.092.348	66.604.092.348	23.488.922.528	23.488.922.528
Công ty Cổ phần ROADCO	12.454.141.450	12.454.141.450	2.356.566.490	2.356.566.490
Công ty TNHH Xây dựng Fico Corea	7.476.393.771	7.476.393.771	6.506.067.037	6.506.067.037
Phải trả các nhà cung cấp khác	46.673.557.127	46.673.557.127	14.626.289.001	14.626.289.001
Cộng	136.481.913.049	136.481.913.049	86.827.150.214	86.827.150.214

() Chi tiết phải trả cho các bên liên quan:*

Công ty CII E&C - BM	60.763.306.389	60.763.306.389	-	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty LGC	3.352.027.031	3.352.027.031	3.053.136.287	3.053.136.287
Công ty CII E&C - CC	488.642.281	488.642.281	55.011.246.399	55.011.246.399
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	273.845.000	273.845.000	273.845.000	273.845.000
Cộng	69.877.820.701	69.877.820.701	63.338.227.686	63.338.227.686

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CH

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

5.15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (*)	207.853.546.096	284.848.791.514
Các khách hàng khác	1.525.328.359	26.342.664.369
Cộng	209.378.874.455	311.191.455.883

() Chỉ tiết người mua trả tiền trước là các bên liên quan:*

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	176.570.440.128	241.075.263.282
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	17.574.825.800	-
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	6.722.086.502	21.985.982.226
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	6.623.845.774	21.787.546.006
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	362.347.892	-
Cộng	207.853.546.096	284.848.791.514

5.16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2018
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	1.388.012.016	1.388.012.016	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.096.936.191	13.962.476.619	9.429.749.179	10.619.663.631
Thuế thu nhập cá nhân	1.582.487.905	1.378.131.981	1.803.428.088	1.158.191.798
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Các khoản khác	-	1.516.436.162	1.516.436.162	-
Cộng	7.680.424.096	18.248.056.778	14.150.625.445	11.777.855.429

5.17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	1.726.105.060	2.672.481.517
Các khoản khác	177.777.778	-
Cộng	1.903.882.838	2.672.481.517

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

5.18. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Các khoản thu hộ	15.949.429.208	19.590.969.939
Phải trả các đối giao khoản thu công các công trình xây dựng	11.402.489.688	5.910.694.366
Phải trả về lãi hỗ trợ kinh doanh và hợp tác đầu tư	1.244.782.308	69.444.444
Phải trả về mua cổ phần	410.000.000	410.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	95.000	40.637.580.100
Các khoản phải trả khác	10.077.930.107	614.902.982
Cộng	39.084.726.311	67.233.591.831
<i>Trong đó, phải trả các bên liên quan:</i>		
Phải trả cho Công ty LGC	9.080.000.000	-
Lãi vay phải trả Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	203.608.333	-
Phải trả các khoản thu hộ cho CII E&C - BM	73.411.983	91.943.497
Cổ tức phải trả Công ty CII	-	21.165.112.000
Cộng	9.356.720.316	21.257.055.497

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CH

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

5.19. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2018		Phát sinh trong năm		01/01/2018	
	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	617.914.823.012	617.914.823.012	873.982.664.279	881.944.197.538	625.876.356.271	625.876.356.271
Ngân hàng BIDV - CN Vĩnh Long	282.146.361.728	282.146.361.728	342.031.961.803	368.086.797.539	308.201.197.464	308.201.197.464
Ngân hàng Vietcombank - CN TP. Hồ Chí Minh	69.896.000.263	69.896.000.263	99.896.000.263	148.744.716.820	118.744.716.820	118.744.716.820
Ngân hàng Vietrinbank - CN 11, TP. Hồ Chí Minh	6.155.780.625	6.155.780.625	123.858.162.017	316.632.823.379	198.930.441.987	198.930.441.987
Công ty Cổ phần BQT Trung Lương - Mỹ Thuận	128.814.990.396	128.814.990.396	156.097.290.196	27.282.299.800	-	-
Công ty TNHH BQT Cầu Rạch Miễu	5.000.000.000	5.000.000.000	12.000.000.000	7.000.000.000	-	-
Các khoản vay của các cá nhân	125.901.690.000	125.901.690.000	140.099.250.000	14.197.560.000	-	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	4.484.904.576	4.484.904.576			9.394.872.080	9.394.872.080
<i>(xem Thuyết minh c)</i>						
Cộng các khoản vay ngắn hạn	622.399.727.588	622.399.727.588	873.982.664.279	881.944.197.538	635.271.228.351	635.271.228.351

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CH

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

5.19. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

	31/12/2018		Phát sinh trong năm		01/01/2018	
	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b. Vay dài hạn						
Các khoản vay của cá nhân	253.436.576.000	253.436.576.000	253.436.576.000	-	-	-
c. Nợ thuê tài chính dài hạn						
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc Tế Việt Nam	9.277.803.753	9.277.803.753	-	10.474.236.817	19.752.040.570	19.752.040.570
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	(4.484.904.576)	(4.484.904.576)	-	-	(9.394.872.080)	(9.394.872.080)
	<u>4.792.899.177</u>	<u>4.792.899.177</u>		<u>10.474.236.817</u>	<u>10.357.168.490</u>	<u>10.357.168.490</u>
Cộng các khoản vay dài hạn	<u>258.229.475.177</u>	<u>258.229.475.177</u>	<u>253.436.576.000</u>	<u>10.474.236.817</u>	<u>10.357.168.490</u>	<u>10.357.168.490</u>
Tổng cộng vay và nợ thuê tài chính	<u>880.629.202.765</u>	<u>880.629.202.765</u>			<u>645.628.396.841</u>	<u>645.628.396.841</u>
<i>Trong đó, số dư nợ vay các bên liên quan:</i>						
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	128.814.990.396	128.814.990.396	156.097.290.196	27.282.299.800	-	-
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	5.000.000.000	5.000.000.000	12.000.000.000	7.000.000.000	-	-
Cộng	<u>133.814.990.396</u>	<u>133.814.990.396</u>	<u>168.097.290.196</u>	<u>34.282.299.800</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CH

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MÀU B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

5.19. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo/ Ghi chú
<u>Ngắn hạn</u> Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Vĩnh Long	282.146.361.728	8 tháng	7,9 - 8,6%	Bổ sung vốn hùn đồng.	- Quyền sử dụng đất tại số 29/3, đường D2, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh (Nay đổi tên là đường Nguyễn Gia Trí); - Hệ thống đúc hẫng; - Xe ô tô Honda (CRV) mang biển số 51A-835.2; - Xe ô tô Ford (RANGER) mang biển số 51C-394.48; - Xe ô tô Hyundai (SANTAFE) BS: 51A-856.54; - Xe ô tô biển số 51C-62636; - Xe ô tô biển số 51A-90435; - Xe ô tô biển số 51A-69677; - Quyền đòi nợ các khoản phải thu đã thế chấp với ngân hàng, tổng giá trị các hợp đồng đã thế chấp 535.726.269.972 VND; - Trái phiếu do Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội phát hành ngày 19/05/2017 cho Công ty CH E&C trị giá 120 tỷ đồng.
Ngân hàng Vietcombank - CN TP. Hồ Chí Minh	69.896.000.263	10 tháng	7,8%	Bổ sung vốn hùn đồng.	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng có kỳ hạn 6 tháng, giá trị khoản tiền gửi 20 tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CH

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

5.19. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay (Tiếp theo)

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo/ Ghi chú
Ngân hàng Viettinbank - Chi nhánh 11, TP. Hồ Chí Minh	6.155.780.625	6 tháng	7,5%	Bổ sung vốn lưu động.	Quyền đòi nợ và thụ hưởng số tiền đòi nợ của các công trình xây dựng mà Công ty CH E&C đã sử dụng vốn vay để thi công.
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận	128.814.990.396	12 tháng	10,5%	Bổ sung vốn thi công công trình xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận (Gọi thầu KC1-XL4).	Vay tín chấp.
Công ty Cổ phần BOT Cầu Rạch Miễu	5.000.000.000	12 tháng	9,2%	Bổ sung vốn thi công công trình xây dựng mở rộng QL60 - Bến Tré	Vay tín chấp
Các khoản vay các cá nhân	125.901.690.000	12 tháng	8,5%	Bổ sung vốn lưu động.	Vay tín chấp
Dài hạn					
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc Tế Việt Nam	9.277.803.753	3 - 4 năm	8% - 8,5%	Thuê tài chính	Giá trị khoản dài hạn cho khoản thuê tài chính là 2.904.089.000 VND. Sau khi kết thúc hợp đồng Công ty sẽ mua lại toàn bộ thiết bị với giá mua lại bằng 0,3% - 0,5% giá thuê ban đầu.
Các khoản vay các cá nhân	253.456.576.000	24 tháng	8,5%	Bổ sung vốn lưu động.	Vay tín chấp

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CH

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MÁU B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**5.19. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)***Vay và nợ thuê tài chính dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:*

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Trong vòng một năm	4,484,904,576	9,394,872,080
Trong năm thứ hai	258,229,475,177	5,067,940,222
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	5,289,228,268
	<u>262,714,379,753</u>	<u>19,752,040,570</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(4,484,904,576)	(9,394,872,080)
Cộng	<u>258,229,475,177</u>	<u>10,357,168,490</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

5.20. Vốn chủ sở hữu

a. Các giao dịch về vốn chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2017	415.000.000.000	400.000.000	-	6.491.138.089	43.200.441.891	465.091.579.980
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	44.221.718.638	44.221.718.638
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(41.500.000.000)	(41.500.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.636.049.084)	(1.636.049.084)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	64.392.807	(64.392.807)	-
Tại ngày 01/01/2018	415.000.000.000	400.000.000	-	6.555.530.896	44.221.718.638	466.177.249.534
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	7.172.777.549	7.172.777.549
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(39.818.367.279)	-	-	(39.818.367.279)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.708.760.000)	(2.708.760.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	902.920.000	(902.920.000)	-
Tại ngày 31/12/2018	415.000.000.000	400.000.000	(39.818.367.279)	7.458.450.896	47.782.816.187	430.822.899.804

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CI

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**5.20. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

Tên cổ đông	31/12/2018		01/01/2018	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)
Công ty CI	54,97%	217.151.120.000	51,00%	211.651.120.000
Các cổ đông khác	45,03%	177.848.880.000	49,00%	203.348.880.000
Cộng	100%	395.000.000.000	100%	415.000.000.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	41.500.000	41.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	41.500.000	41.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	41.500.000	41.500.000
Số lượng cổ phiếu đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	(2.000.000)	-
+ Cổ phiếu phổ thông	(2.000.000)	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	39.500.000	41.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	39.500.000	41.500.000
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

d. Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 26 tháng 4 năm 2018, cổ tức năm 2017 được phê duyệt là 5%, tương đương 20.750.000.000 đồng, tùy thuộc tình hình thực tế, ủy quyền cho Hội đồng Quản trị xây dựng phương án, hình thức và thời gian chi trả phù hợp với hoạt động của Công ty. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2018, Hội đồng Quản trị Công ty chưa ra Quyết định chi trả cổ tức, do đó khoản cổ tức này chưa được ghi nhận trên Báo cáo tài chính riêng.

Cổ tức năm 2018 theo kế hoạch sẽ được chi trả với tỷ lệ tối thiểu là 15%. Mục chi trả và hình thức trả cổ tức cuối cùng sẽ được phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

5.21. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu từ hoạt động xây dựng	520.615.490.597	465.223.877.260
Doanh thu bán hàng	62.717.561.631	60.087.697.461
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	13.997.993.985	17.413.913.105
	597.331.046.213	542.725.486.830
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán trả lại	(3.560.385.682)	-
Doanh thu thuần	593.770.660.531	542.725.486.830

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CH

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU B C9 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

5.21. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (Tiếp theo)

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<i>Trong đó, doanh thu thuần phát sinh với các bên liên quan:</i>		
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu: <i>Khởi lượng thi công dự án QL 60</i>	183.798.457.091	30.514.784.532
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội: <i>Khởi lượng thi công xây lắp các gói thầu dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội</i>	132.883.824.430	96.599.852.788
Công ty TNHH MTV Khu Bức Thủ Thiêm: <i>Khởi lượng thi công gói xây lắp 1, 2 và khu nhà ở thuộc dự án Thủ Thiêm</i>	108.651.475.782	241.722.893.448
Công ty TNHH BOT Trung Lương Mỹ Thuận: <i>Khởi lượng thi công dự án Trung Lương Mỹ Thuận</i>	58.824.976.364	-
Công ty CH E&C - CC: <i>Doanh thu cho thuê thiết bị và bán vật tư</i>	9.031.382.527	33.359.596.867
Công ty Đầu tư Hạ tầng VRG: <i>Khởi lượng thi công xây lắp công trình DT 741 và duy tu hệ thống chiếu sáng DT 741</i>	7.468.968.330	25.129.122.424
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu: <i>Khởi lượng thi công công trình dự án Cầu Ông Đậu</i>	4.099.084.461	-
Công ty CH E&C - BM: <i>Doanh thu cho thuê thiết bị</i>	2.669.454.541	2.536.909.089
Công ty NQN: <i>Cho thuê thiết bị</i>	1.654.981.819	2.714.981.818
Công ty LGC: <i>Doanh thu cho thuê thiết bị</i>	36.272.727	46.636.363
Công ty SI: <i>Khởi lượng thi công các gói thầu dự án nhà máy nước Củ Chi</i>	-	19.090.874.968
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng tỉnh Ninh Thuận: <i>Khởi lượng thi công công trình Ninh Thuận</i>	(1.493.306.260)	-
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận: <i>Khởi lượng thi công công trình mở rộng tuyến tránh Phan Rang Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận - giai đoạn 2 và Khởi lượng thi công công trình Trộn lưu phi Cò ná</i>	(8.229.800.195)	35.560.282.740
Cộng	499.395.771.617	487.275.935.017

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**5.22. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn hoạt động xây dựng	494.539.099.958	385.806.298.432
Giá vốn hàng đã bán	59.137.175.949	54.150.989.551
Giá vốn của dịch vụ	5.859.497.545	8.357.749.062
Cộng	559.555.773.452	448.315.037.045

5.23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	55.739.818.455	35.078.616.262
Cổ tức, lợi nhuận được chia	16.337.769.419	2.230.088.706
Chi phí sử dụng vốn được hưởng từ nhà thầu	-	7.500.000.000
Cộng	72.077.587.874	44.808.704.968

*Trong đó, doanh thu tài chính phát sinh với các bên liên quan:***Cổ tức và lợi nhuận được chia**

Công ty LGC	10.920.000.000	-
Công ty CII E&C - CC	4.750.194.710	928.031.183
Công ty CII E&C - BM	667.574.709	526.066.695
Công ty NQN	-	1.155.480.787

Lãi cho vay và lãi trái phiếu

Công ty CII	25.231.924.729	25.704.823.129
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	12.166.666.667	7.566.666.667
Công ty CII E&C - BM	2.783.611.390	-
Công ty NQN	1.461.675.500	-

Cộng	57.981.647.705	35.881.068.461
-------------	-----------------------	-----------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CH

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU B 69 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

5.24. Chi phí tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí lãi vay	63.652.697.008	55.139.101.732
Lãi phải trả nợ thuê tài chính	1.282.780.669	1.887.775.743
Chi phí tài chính khác	7.922.455	-
Cộng	64.943.400.132	57.026.877.475

Trong đó, chi phí tài chính phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan:

Lãi vay phát sinh với CH	8.224.754.963	13.695.387.514
Lãi vay phát sinh với Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận	7.097.390.196	-
Lãi vay phát sinh với Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	248.655.555	-
Cộng	15.570.700.714	13.695.387.514

5.25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	11.026.295.782	13.754.092.414
Chi phí đồ dùng văn phòng	51.242.065	200.215.437
Chi phí khấu hao	827.321.151	1.146.058.567
Chi phí công tác, tiếp khách (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng	1.133.135.966 (212.143.016)	1.607.251.668 831.548.988
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.898.350.532	7.791.299.660
Chi phí bằng tiền khác	228.962.292	178.870.000
Cộng	18.953.164.772	25.509.136.764

5.26. Thu nhập khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	120.127.947	-
Các khoản thu nhập khác	351.281.880	163.119.657
Cộng	471.409.827	163.119.657

5.27. Chi phí khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Các khoản truy thu, phạt hành chính và nộp chậm, vi phạm thuế	1.560.436.162	639.943.659
Lỗ từ hoạt động thanh lý tài sản	-	88.837.952
Các khoản chi phí khác	171.629.546	53.854.630
Cộng	1.732.065.708	782.636.241

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MÁU B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

5.28. Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	21.135.254.168	56.063.623.930
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Chi phí không được trừ	48.300.833.254	1.994.595.516
Cơ tức, lợi nhuận được chia	(16.337.769.419)	(2.230.088.706)
Thu nhập chịu thuế	53.098.318.003	55.828.130.740
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	10.619.663.601	11.165.626.143
Thuế TNDN nộp trước bổ sung	3.342.813.018	676.279.144
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	13.962.476.619	11.841.905.292

5.29. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	200.856.111.279	260.434.598.399
Chi phí nhân công	45.776.957.895	41.851.267.702
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.391.416.912	6.582.919.462
Chi phí dịch vụ mua ngoài	325.622.580.477	300.424.020.506
Chi phí bằng tiền khác	228.962.292	6.037.888.516
Cộng	578.876.028.855	615.309.794.585

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Số tiền vay thực nhận trong năm		
Tiền vay ngân hàng, tổ chức và cá nhân khác theo khế ước thông thường	959.321.950.083	926.246.688.108
Tiền vay các Công ty trong tập đoàn	665.430.928.458	787.500.000.000
Cộng	1.624.752.878.541	1.713.746.688.108
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Hoàn trả nợ gốc vay ngân hàng, tổ chức và cá nhân khác theo khế ước thông thường	847.661.897.738	579.881.780.330
Trả nợ gốc vay các Công ty trong tập đoàn	522.535.938.062	787.500.000.000
Cộng	1.370.197.835.800	1.367.381.780.330

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1. Giao dịch với các bên liên quan

Danh sách bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("CII")	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lử Gia ("LGC")	Công ty con
Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&C ("CII E&C - CC")	Công ty con
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng CII E&C ("CII E&C - BM")	Công ty con
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi ("NQN")	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII ("CII B&R")	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn ("SII")	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận	Công ty trong cùng tập đoàn
	Công ty liên doanh của tập đoàn

Ngoài các giao dịch đã được trình bày ở các thuyết minh trên, trong năm, công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Công ty CII		
Nhận vốn hợp tác thi công dự án	1.381.491.506.849	787.300.000.000
Hoàn trả vốn hợp tác thi công dự án	893.237.868.587	578.661.720.309
Thanh toán chi phí sử dụng vốn	2.762.131.413	8.688.279.691
Cần trả vốn hợp tác kinh doanh - phần nợ gốc	488.253.638.262	208.838.279.691
Cần trả vốn hợp tác kinh doanh - tiền lãi	5.462.623.550	5.007.107.823
Chuyển vốn hợp tác đầu tư	699.904.635.000	243.000.000.000
Thu hồi vốn hợp tác đầu tư	159.439.001.611	15.583.188.649
Công ty mẹ thanh toán chi phí sử dụng vốn	26.560.958.389	10.416.811.357
Cổ tức đã trả cho công ty mẹ trong năm	21.165.112.000	-
Trích cổ tức phải trả cần chi số hũm	-	21.165.112.000
Nhận ứng trước tiền thi công dự án	-	1.028.837.608

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CH

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.1. Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Công ty NQN		
Chuyển khoản nợ ứng trước thành phải thu về cho vay	28,912,262,655	-
Bán tài sản cố định	350,000,000	-
Ứng trước tiền mua đá Granite	-	10,500,000,000
Nhập kho đá Granite	-	2,287,279,674
Thu tiền thi công bốc tăng phủ và cho thuê thiết bị	-	1,890,000,000
Công ty CH E&C - BM		
Tạm ứng tiền mua hàng trong năm	275,688,111,143	567,375,013,383
Nhận lại tiền tạm ứng mua vật tư	133,787,100,000	307,842,667,444
Mua hàng trong năm	146,379,199,691	194,161,574,116
Chi phí gia công đá Granite	1,304,188,002	-
Chuyển công nợ từ ứng trước tiền mua vật tư sang khoản phải thu về cho vay	106,814,000,000	-
Thu tiền cho thuê thiết bị, mua vật tư	3,152,300,000	4,749,594,963
Công nợ phải trả các đối tượng khác chuyển sang cho CH E&C - BM	31,089,100,107	-
Công nợ phải thu các đối tượng khác chuyển sang cho CH E&C - BM	-	417,047,548
Lợi nhuận được thanh toán trong năm	526,066,695	-
Thu nhập từ bán tài sản	863,636,363	-
Công ty CH E&C - CC		
Tạm ứng thi công công trình	142,800,000,000	260,321,852,903
CH E&C - CC hoàn trả lại vốn thi công	47,000,000,000	280,307,869,200
Chi phí thi công dự án Thủ Thiêm	74,063,509,486	99,816,404,638
Chi phí thi công văn phòng	1,307,716,373	-
Thu tiền thuê thiết bị trong năm	10,500,000,000	-
Công nợ ứng trước cho đối tượng khác chuyển sang cho CH E&C - CC	4,364,168,044	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định và công cụ dụng cụ	-	1,033,370,183
Mua tài sản cố định, công cụ dụng cụ trong năm	-	114,600,000
Công ty LGC		
Mua hàng trong năm	534,052,000	5,096,807,035
Khởi hợa thi công văn phòng Công ty	2,104,487,040	-
Thu tiền cho thuê thiết bị	-	51,300,000
Thanh toán tiền mua vật tư trong năm	2,603,502,200	-
Cổ tức đã nhận được trong năm	25,920,000,000	-
Cổ tức được chia ghi giảm giá trị đầu tư	-	15,000,000,000
Nhận tiền từ công ty con	9,080,000,000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B/09 - DN

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.1. Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Công ty CII B&R		
Nhận chuyển nhượng Công ty LGC	-	78.000.000.000
Công ty SH		
Thu tiền khối lượng thi công dự án Củ Chi	-	94.620.035.721
Chi phí sức xả khử trùng tuyến ống	-	466.028.036
Chuyển tiền sức xả khử trùng tuyến ống	-	500.054.128
Thanh toán tiền khác phục sự cố	-	12.843.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội		
Thu tiền khối lượng thi công xây lắp các gói thầu dự án mở rộng Xa Lộ Hà Nội	81.667.382.719	365.102.548.927
Chuyển trả lại tiền thi công gói thầu SA dự án ứng dự	-	1.274.859.912
Thu lãi trái phiếu trong năm	12.166.666.667	-
Mua trái phiếu	-	120.000.000.000
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận		
Thu tiền khối lượng thi công công trình mở rộng Quốc lộ 1A	-	10.918.582.259
Thu tiền khối lượng thi công trạm thu phí Cá Ná	-	11.664.162.490
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm		
Thu tiền thi công dự án Thủ Thiêm	104.252.727.037	222.082.075.861
Công ty Đầu tư Hạ tầng VRG		
Thu tiền thi công dự án DT741	8.101.701.606	22.479.763.211
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu		
Thu tiền thi công dự án Quốc lộ 60	187.014.602.569	55.353.808.993
Thu hộ tiền thi công dự án Quốc lộ 60 cho các bên liên doanh	65.972.812.150	-
Tiền đi vay nhận được trong năm	12.000.000.000	-
Chuyển trả lại tiền vay trong năm	7.000.000.000	-
Lãi vay đã thanh toán trong năm	45.047.222	-
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận		
Tiền đi vay nhận được trong năm	140.000.000.000	-
Chuyển trả lại tiền vay trong năm	1.337.883.000	-
Lãi đi vay nhập vào nợ gốc vay	7.097.290.196	-
Cán trừ tiền thi công vào nợ gốc vay	25.944.416.800	-
Tiền thi công dự án nhận được trong năm	56.337.883.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Bảo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.1. Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro		
Thanh toán tiêu mua ống và phụ kiện	-	17.528.305.086
Nhập kho ống và phụ kiện	-	9.113.274.950
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng		
Chi phí tài công sơn đường, vệ sinh mặt đường	-	315.313.636
Thanh toán tiền thi công	-	46.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu		
Thu tiền thi công dự án	4.508.992.907	-

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát được hưởng trong năm:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lương, thưởng và các khoản thu nhập khác	2.147.868.117	2.126.593.102

7.2. Công cụ tài chính – Quản lý rủi ro**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính như sau:

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	880.629.202.765	615.628.356.841
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(28.000.366.689)	(95.472.356.908)
Nợ thuần	852.628.836.076	550.156.039.933
Vốn chủ sở hữu	430.822.899.804	466.177.219.534
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	198%	118%

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.2. Công cụ tài chính – Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.000.366.689	95.472.336.908
Phải thu khách hàng	105.589.223.823	137.915.836.244
Phải thu về cho vay	601.712.999.030	197.574.190.058
Phải thu khác	73.062.467.569	83.172.215.376
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	161.001
Đầu tư tài chính dài hạn	232.610.000.000	232.610.000.000
Cộng	1.040.975.057.111	746.744.759.587
Nợ phải trả tài chính		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	880.629.202.765	645.628.396.841
Phải trả người bán	136.481.913.049	86.827.150.214
Các khoản phải trả khác	39.084.725.311	67.233.591.831
Chi phí phải trả	1.903.882.838	2.672.481.517
Cộng	1.058.099.724.963	802.361.620.403

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của đồng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.2 Công cụ tài chính – Quản lý rủi ro (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trong yêu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro về giá*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trong yêu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phủ trôi giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và dư vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phát sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên đồng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CH

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MÁU B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.2. Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lại từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 31/12/2018				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.000.366.689	-	-	28.000.366.689
Phải thu khách hàng	105.589.223.823	-	-	105.589.223.823
Phải thu về cho vay	601.712.999.030	-	-	601.712.999.030
Phải thu khác	50.279.615.428	22.782.852.141	-	73.062.467.569
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	120.000.000.000	112.610.000.000	232.610.000.000
Cộng	785.582.204.970	142.782.852.141	112.610.000.000	1.040.975.057.111
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	622.399.727.588	258.229.475.177	-	880.629.202.765
Phải trả người bán	136.481.913.049	-	-	136.481.913.049
Các khoản phải trả khác	39.084.726.311	-	-	39.084.726.311
Chi phí phải trả	1.903.882.838	-	-	1.903.882.838
Cộng	799.870.249.786	258.229.475.177	-	1.058.099.724.963
Chênh lệch thanh khoản thuần	(14.288.044.816)	(115.446.623.036)	112.610.000.000	(17.124.667.852)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CH

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****7.2. Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2018				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	95.472.356.908	-	-	95.472.356.908
Phải thu khách hàng	137.915.836.244	-	-	137.915.836.244
Phải thu về cho vay	197.574.190.058	-	-	197.574.190.058
Phải thu khác	60.389.363.235	22.782.852.141	-	83.172.215.376
Đầu tư tài chính ngắn hạn	161.001	-	-	161.001
Đầu tư tài chính dài hạn	-	120.000.000.000	112.610.000.000	232.610.000.000
Cộng	491.351.907.446	142.782.852.141	112.610.000.000	746.744.759.587
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	635.271.228.351	10.357.168.490	-	645.628.396.841
Phải trả người bán	86.827.150.214	-	-	86.827.150.214
Các khoản phải trả khác	67.233.591.831	-	-	67.233.591.831
Chi phí phải trả	2.672.481.517	-	-	2.672.481.517
Cộng	792.004.451.913	10.357.168.490	-	802.361.620.403
Chênh lệch thanh khoản thuần	(300.652.544.467)	132.425.683.651	112.610.000.000	(55.616.860.816)

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.3. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

7.4. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc Tế.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu

Nguyễn Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng

Bùi Xuân Phước

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đình Thành